

Số: 05 /QĐ-TrT KH&CN

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 04 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 4 năm 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ hợp đồng số 54/2016 NTMN.TW ngày 12/12/2016 giữa Văn phòng chương trình Nông thôn miền núi với Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ về việc thực hiện dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Ninh Thuận”;

Căn cứ hợp đồng số 25/2017 NTMN.TW ngày 07/8/2017 giữa Văn phòng chương trình Nông thôn miền núi với Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ về việc thực hiện dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững vùng đồng bào dân tộc Raglai đặc biệt khó khăn huyện Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận”;

Căn cứ hợp đồng số 08/2018 NTMN.TW ngày 24/7/2018 giữa Văn phòng chương trình Nông thôn miền núi với Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ về việc thực hiện dự án “Xây dựng và triển khai mô hình trồng rau an toàn bằng công nghệ cao tại tỉnh Ninh Thuận”;

Căn cứ hợp đồng số 06/2019/TXTCN ngày 07/6/2019 giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ về việc thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2019.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 4 năm 2019 của Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ (Theo Mẫu biểu số 03 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Kế toán, các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm thực hiện Quyết định này.

### Nơi nhận:

- Sở KH&CN (để báo cáo);
- TD.Office;
- Niêm yết tại Trung tâm;
- Lưu: VT, KT.



Đơn vị: Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiền bộ khoa học và công nghệ  
Chương: 417

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2019**  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

DVT: Triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Năm trước chuyển sang	Dự toán năm	Thực hiện quý 4 năm 2019	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Ghi chú (thực hiện cùng kỳ năm trước: triệu đồng)
A	B		1	2	3=2/1	4	5
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>						
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
2.1	Chi sự nghiệp.....						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
	Lệ phí cấp giấy thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn						
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>						
1	Chi quản lý hành chính						
	Kinh phí sự nghiệp khoa học		1.219,937	742,199	60,84	15,72	4.720,933
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		1.301,700	340,621	26,17	7,93	4.297,857
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	1.919,843	1.301,700	340,621	26,17	7,93	4.297,857
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		1.219,937	355,078	29,11	91,40	388,476
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		46,500	46,500	100,00	134,39	34,600

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
  
 Trần Văn Khang